

Số: 182/TB-QBVPTR

Kon Tum, ngày 24 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường
rừng lần 02 năm 2018 cho các chủ rừng.

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2018.

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) lần 02 năm 2018 cho các đơn vị chủ rừng là tổ chức (các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp các huyện, Sư đoàn 10 và các Doanh nghiệp khác), Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các xã, thị trấn và UBND các xã, thị trấn; nếu các đơn vị, địa phương có nhu cầu tạm ứng tiền chi trả DVMTR lần 02 trong năm 2018 đề nghị lập thủ tục như sau:

- Giấy đề nghị tạm ứng của đơn vị, địa phương gồm các nội dung chủ yếu sau: số tiền đề nghị tạm ứng (ghi số tiền tạm ứng đợt này theo biểu đính kèm Thông báo này); nội dung tạm ứng; số tài khoản, mở tại Ngân hàng hoặc Kho bạc; đơn vị, địa phương thụ hưởng.

- Thời gian tạm ứng: bắt đầu từ ngày 05/11/2018.

Các đơn vị, địa phương gửi giấy đề nghị tạm ứng về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) để có cơ sở giải ngân tiền tạm ứng theo quy định; trường hợp các đơn vị, địa phương không có nhu cầu tạm ứng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sẽ thanh toán tiền DVMTR năm 2018 sau khi có kết quả xác định diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2018 và số tiền thực thu trong năm 2018.

(Đối với các đơn vị, địa phương chưa đề nghị tạm ứng theo Thông báo số 170/TB-QBVPTR ngày 21/8/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thì chỉ đề nghị tạm ứng theo Thông báo này).

Đề nghị các đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các chủ rừng;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, TP;
- Trưởng ban Kiểm soát Quỹ (b/c);
- Giám đốc;
- Phòng TC-HC-KT;
- Lưu VT, KH-KT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng

XÁC ĐỊNH TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2018 CHO CÁC CHỦ RỪNG

(Kèm theo Thông báo số: 182/TB-QBVPTR ngày 24/10/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

TT	Đối tượng	Diện tích rừng cung ứng DVMTR quy đổi (ha)	Tổng số tiền đã tạm ứng đến ngày 24/10/2018 (đồng)	Số tiền tạm ứng đợt này (đồng)
1	2	3	6	9
TỔNG CỘNG (A+B+C)		332.391,17	72.188.945.000	79.447.484.000
A	Chủ rừng là tổ chức	267.062,68	70.616.202.000	46.796.397.000
1	BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray	9.514,84	2.567.375.000	1.682.829.000
2	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh	36.707,37	6.787.950.000	1.654.135.000
3	BQL rừng đặc dụng Đắk Uy	542,36	179.106.000	122.181.000
4	BQL rừng phòng hộ Đắk Hà	18.216,77	5.785.793.000	3.992.461.000
5	BQL rừng phòng hộ Đắk Gleï (*)	22.272,71	-	12.372.758.000
6	BQL rừng phòng hộ Kon Rẫy	12.249,69	3.465.273.000	2.184.231.000
7	BQL rừng phòng hộ Thạch Nham	10.108,08	2.887.550.000	39.144.000
8	BQL rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	14.044,15	5.017.389.000	3.534.069.000
9	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi (*)	7.291,51	463.699.000	3.619.967.000
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	33.191,76	13.408.556.000	4.846.467.000
11	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	24.478,54	7.000.732.000	4.393.319.000
12	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Gleï	17.967,40	7.968.030.000	
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	22.400,30	7.902.083.000	5.504.796.000
14	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	16.171,61	1.270.799.000	-
15	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	8.476,83	658.804.000	-
16	Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam	7.132,84	2.506.098.000	1.736.446.000
17	Xí nghiệp Phú Thịnh	1.350,02	432.000.000	394.071.000
18	Công ty cổ phần Sâm Ngọc Linh Kon Tum	4.682,20	2.256.855.000	659.934.000
19	Công ty cổ phần ĐTPT Duy Tân	49,08	-	21.903.000
20	Sư đoàn 10	214,65	58.110.000	37.686.000
B	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp xã và UBND xã, thị trấn (**)	25.132,67	1.572.743.000	11.600.477.000
I	Huyện Đắk Gleï	2.158,53	-	760.216.000
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thị trấn Đắk Gleï	87,76	-	48.750.000
2	UBND xã Đắk Pét	41,80	-	23.219.000
3	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Long	587,22	-	326.209.000
4	UBND xã Đắk Môn	38,01	-	21.113.000

TT	Đối tượng	Diện tích rừng cung ứng DVMTR quy đổi (ha)	Tổng số tiền đã tạm ứng đến ngày 24/10/2018 (đồng)	Số tiền tạm ứng đợt này (đồng)
5	UBND xã Đắk Kroong	28,44	-	15.799.000
6	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Nhoong	129,74	-	72.074.000
7	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Man	205,01	-	90.328.000
8	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Choong	237,65	-	37.164.000
9	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Mùòng Hoong	308,43	-	48.232.000
10	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Ngọc Linh	333,21	-	52.108.000
11	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Xốp	161,27	-	25.220.000
II	Huyện Ngọc Hồi	894,49	-	496.901.000
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Ang	616,35	-	342.388.000
2	UBND xã Đắk Dục	34,89	-	19.383.000
3	UBND xã Đắk Kan	29,93	-	16.624.000
4	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Sa Loong	213,33	-	118.506.000
III	Huyện Đắk Tô	1.343,92	180.967.000	621.526.000
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thị trấn Đắk Tô	202,94	67.018.000	45.717.000
2	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Trăm	105,60	42.309.000	32.950.000
3	UBND xã Diên Bình	51,35	-	28.528.000
4	UBND xã Kon Đào	9,38	3.096.000	2.113.000
5	UBND xã Ngọc Tụ	52,89	-	29.501.000
6	UBND xã Pô Kô	29,82	-	16.568.000
7	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Tân Cảnh	207,56	68.544.000	46.759.000
8	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Văn Lem	684,37	-	419.390.000
IV	Huyện Sa Thầy	1.057,07	32.476.000	447.334.000
1	UBND thị trấn Sa Thầy	20,67	-	9.226.000
2	UBND xã Hơ Moong	8,76	-	4.865.000
3	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Rờ Koi	157,81	-	77.188.000
4	UBND xã Sa Nghĩa	41,70	-	18.942.000
5	UBND xã Sa Bình	25,56	-	11.407.000
6	UBND xã Sa Nhon	29,07	7.870.000	5.104.000
7	UBND xã Sa Sơn	49,49	13.398.000	8.689.000
8	UBND xã YaLy	41,40	11.208.000	7.268.000
9	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Ya Tăng	573,25	-	255.835.000
10	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Ya Xiêr	109,37	-	48.810.000

ĐÃ
QU
ẢO
HÁ
F
17

PR

TT	Đối tượng	Diện tích rừng cung ứng DVMTR quy đổi (ha)	Tổng số tiền đã tạm ứng đến ngày 24/10/2018 (đồng)	Số tiền tạm ứng đợt này (đồng)
V	Huyện Kon Rẫy	2.075,31	-	940.075.000
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Kôi	131,53	-	58.907.000
2	UBND xã Đăk Pnê	317,55	-	147.261.000
3	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Ruồng	369,49	-	164.898.000
4	UBND thị trấn Đăk Rê	66,97	-	29.888.000
5	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Tờ Lung	1.092,79	-	495.835.000
6	UBND xã Đăk Tờ Re	66,44	-	29.650.000
7	UBND xã Tân Lập	30,56	-	13.636.000
VI	Huyện Kon Plông	8.651,80	1.346.530.000	2.225.914.000
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Long	174,88	-	86.647.000
2	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Măng Cành	2.294,73	1.346.530.000	312.331.000
3	UBND xã Măng Bút	48,42	-	23.360.000
4	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Hiếu	73,28	-	69.532.000
5	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Rìng	626,89	-	178.855.000
6	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Ngọc Tem	1.043,08	-	297.596.000
7	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Nê	4.344,94	-	1.235.601.000
8	UBND xã Đăk Tăng	45,59	-	21.992.000
VII	Huyện Đăk Hà	2.217,29	7.943.000	1.223.436.000
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Hring	449,17	-	249.520.000
2	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Long	416,93	-	236.043.000
3	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Mar	297,97	-	165.525.000
4	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Pxi	429,08	-	248.081.000
5	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Ui	388,31	-	215.711.000
6	UBND xã Ngọc Réo	29,34	7.943.000	5.151.000
7	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Ngọc Wang	103,56	-	46.219.000
8	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Ngọc	102,94	-	57.186.000
VIII	Huyện Tu Mơ Rông	6.192,37	-	4.742.928.000
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Hà	1.299,01	-	1.113.735.000
2	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Na	561,25	-	311.781.000
3	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Sao	198,65	-	110.352.000
4	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Tờ Kan	268,55	-	191.390.000
5	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Măng Ri	254,10	-	198.453.000

TT	Đối tượng	Diện tích rừng cung ứng DVMTR quy đổi (ha)	Tổng số tiền đã tạm ứng đến ngày 24/10/2018 (đồng)	Số tiền tạm ứng đợt này (đồng)
6	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Ngọc Lây	314,98	-	269.019.000
7	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Ngọc Yêu	1.146,72	-	895.598.000
8	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Tê Xăng	459,65	-	358.990.000
9	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Tu Mơ Rông	871,30	-	680.499.000
10	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Văn Xuôi	561,67	-	430.310.000
11	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đăk Rơ Ông	256,50	-	182.801.000
IX	Thành phố Kon Tum	272,34	4.827.000	116.716.000
1	UBND xã Đăk Blă	36,20	-	16.155.000
2	UBND xã Đăk Cấm	17,83	4.827.000	3.130.000
3	UBND xã Đăk Rơ Wa	12,56	-	5.607.000
4	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Hòa Bình	156,16	-	69.693.000
5	UBND xã Ia Chim	49,59	-	22.131.000
X	Huyện Ia H' Drai	269,54	-	25.431.000
1	UBND xã Ia Dom	111,56	-	10.525.000
2	UBND xã Ia Toi	157,99	-	14.906.000
C	Chủ rừng hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (***)	40.195,82	-	21.050.610.000

Ghi chú:

- (*) Riêng số tiền DVMTR tạm ứng cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi là 3.619.966.639 đồng (trong đó tiền DVMTR của BQL rừng phòng hộ Đăk Ang chuyển sang là 3.347.400.623 đồng); BQL rừng phòng hộ Đăk Glei (*sáp nhập các BQL RPH Đăk Long; BQL RPH Đăk Nhoong*), Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sẽ tạm ứng sau khi các đơn vị có đủ hồ sơ pháp lý có liên quan.
- (**) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sẽ tạm ứng cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp xã sau khi Dự toán thu, chi tiền DVMTR năm 2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp xã, thị trấn được UBND các huyện, thành phố phê duyệt.
- (***) Chưa thực hiện tạm ứng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thanh toán 01 lần vào dịp cuối năm theo ý kiến của người dân tại đợt khảo sát của Ban kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh vào tháng 03/2018.

H
N
KON
TUM